

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **310/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 29/9/2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương.

2. Bà Trần Thị Vân Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị M, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ1, xã B, huyện H, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 05/02/2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện H, tỉnh T, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống bình thường sau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong làm ăn không bàn bạc thống nhất. Ngoài ra anh T không chịu khó làm ăn còn chơi bời nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi đánh nhau, không tôn trọng nhau, chị và hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, vì vậy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cả hai không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T không có nên không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi anh Nguyễn Văn T đến để viết bản tự khai và tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ1, xã B, huyện H, tỉnh T. Theo lời khai của ông Nguyễn Văn Đ (là bố đẻ của anh T), anh T và chị M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã B, huyện H vào tháng 02/2018 theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị thời gian đầu ở cùng gia đình ông bình thường, sau một thời gian ngắn anh chị đi làm ăn xa nhà, sau khoảng 01 năm ông nghe anh T nói chuyện vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đến năm 2019 thì anh T và chị M sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại anh T đi làm ăn tại thành phố V, vẫn thường xuyên liên lạc với ông và thỉnh thoảng về thăm gia đình nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nơi anh T ở. Gia đình ông có nhận được các văn bản, tài liệu của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T không đến Tòa án làm việc được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh T và chị M không có con chung, không có tài sản, đất đai, công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Triệu Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; chị Triệu Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo cung cấp của địa phương thì anh Nguyễn Văn T vẫn có hộ khẩu thường trú và sinh sống thôn Đ1, xã B, huyện H, tỉnh T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh T; gia đình, địa phương nơi anh T sinh sống đã thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Triệu Thị M và anh T nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không còn cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2019 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị M là xử cho chị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Triệu Thị M và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Triệu Thị M không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Triệu Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh T cấp ngày 05/02/2018 cho chị Triệu Thị M và anh Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Chị Triệu Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006651, ngày 07/7/2023 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; ghi nhận chị Triệu Thị M đã thi hành xong khoản tiền án phí. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã B (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Phương - Trần Thị Vân Anh

Ma Thị Tuyết Mai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Bình Xa (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Thị Tuyết Mai

